

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai có hiệu quả các mục tiêu, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp được đề ra nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết, tạo chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số CCHC, chỉ số năng lực cạnh tranh và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh.

2. Yêu cầu

Các sở ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, quan điểm chỉ đạo Tỉnh ủy được xác định trong Nghị quyết kết hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các nội dung khác được nêu tại Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030.

Đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới, gắn trách nhiệm tập thể và người đứng đầu để mọi nhiệm vụ được thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ tổng hợp, chuyên ngành; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh, thời gian thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn để chủ động phối hợp, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

II. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2025, phần đầu 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. Văn bản quy phạm pháp luật được xử lý hoặc kiến nghị sau rà soát đạt 100% và tiếp tục duy trì đến năm 2030.

2. Đến năm 2025, tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử và tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

3. Đến năm 2025, tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

Đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

4. Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

5. Đến năm 2025, tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; trong đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

Đến năm 2030, tối thiểu 90% thủ tục hành chính của ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

6. Đến năm 2025, 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời và tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

7. Đến năm 2025, 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ và tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

8. Đến năm 2025, tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Đến năm 2030, giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

9. Đến năm 2025, 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền và tiếp tục duy trì tỷ lệ này đến năm 2030.

10. Đến năm 2025, 80% các hệ thống thông tin của ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không phải cung cấp lại. Đồng thời, tiếp tục duy trì, cải thiện tỷ lệ đến năm 2030.

11. Đến năm 2025, 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Đến năm 2030, 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

12. Đến năm 2025, 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý và đạt 70% đến năm 2030.

13. Đến năm 2025, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định, có năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ văn hóa và chuyên môn đạt chuẩn theo quy định.

Đến năm 2030, xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

14. Đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

Đến năm 2030, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

15. Đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90% và đạt tối thiểu 95% vào năm 2030.

16. Đến năm 2025, mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85% và đạt tối thiểu 90% vào năm 2030.

17. Phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Sóc Trăng xếp Chỉ số CCHC (PAR INDEX) vào nhóm khá cả nước, trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) trong nhóm khá cả nước, vào nhóm 30 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đạt điểm trung bình cao của cả nước, vào nhóm 30 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) vào nhóm 30 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Từ năm 2026, mỗi năm tăng tối thiểu 1 bậc đối với mỗi Chỉ số cho đến năm 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục triển khai có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác CCHC tỉnh Sóc Trăng được UBND tỉnh phân công cụ thể từng cơ quan, đơn vị, địa phương tại Kế hoạch số 163/KH-UBND, đồng thời thực hiện một số nội dung sau đây:

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong tỉnh

Tập trung quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện.

2. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh CCHC. Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tính năng động, tiên phong của lãnh đạo các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện nhất quán hành động về CCHC ở từng cơ quan, đơn vị, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị hành chính công từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo tính thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm.

Hàng năm, rà soát đánh giá toàn diện Bộ Chỉ số CCHC; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Chỉ số hiệu quả quản trị cấp tỉnh để xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục, cải thiện điểm số, thứ hạng, nhất là những nội dung tiêu chí thấp, hiệu quả chưa cao.

3. Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và dân vận chính quyền. Xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ; gặp gỡ, tiếp xúc, lắng nghe, đối thoại với Nhân dân. Khuyến khích xây dựng và triển khai các ý tưởng, sáng kiến CCHC có tính ứng dụng cao để người dân, doanh nghiệp được tiếp cận ngày càng nhiều với những tiện ích của dịch vụ công và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, có bản lĩnh, năng lực, uy tín và ngang tầm nhiệm vụ. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ và phục vụ Nhân dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng

lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết tuổi tác.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, tăng cường chỉ đạo điều hành, xử lý công việc trên môi trường mạng, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

6. Bố trí đủ nguồn lực tài chính cần thiết từ ngân sách nhà nước, đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện mục tiêu, chương trình, đề án CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030. Huy động các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở ban ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng tại tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức quán triệt Nghị quyết tại cơ quan, đơn vị, địa phương, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết có hiệu quả; tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 18 của tháng cuối quý (lồng ghép với báo cáo CCHC theo hướng dẫn của Sở Nội vụ).

2. Sở Tư pháp

Chủ trì, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các nội dung về cải cách thể chế; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tăng tính liên thông giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau, tháo gỡ khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì rà soát, đánh giá, tham mưu xây dựng Kế hoạch, giải pháp nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) để cải thiện chỉ số, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tham mưu UBND tỉnh triển khai có hiệu quả Đề án chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đề xuất giải pháp cụ thể để nâng cao tỷ lệ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4. Quan tâm tham mưu, đề xuất xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và tăng cường nguồn nhân lực đảm bảo thực hiện có hiệu quả mục tiêu CCHC theo Nghị quyết đề ra.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì rà soát, đánh giá, tham mưu xây dựng Kế hoạch, giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để cải thiện chỉ số, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

6. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo khả năng cân đối ngân sách địa phương và hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cùng với các tổ chức thành viên nghiên cứu quán triệt Nghị quyết và Kế hoạch này đến thành viên, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện; đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội, phản hồi ý kiến về chất lượng dịch vụ công, đối với hoạt động của cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI); đề xuất UBND tỉnh có những giải pháp cụ thể để cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI hàng năm đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, cấp xã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở... để người dân nắm bắt nội dung, góp phần cải thiện Chỉ số PAPI.

8. Sở Nội vụ

Theo dõi, đôn đốc các ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo UBND tỉnh; kịp thời đề xuất điều chỉnh Kế hoạch bảo đảm thực hiện hiệu quả. Tham mưu UBND tỉnh định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổ chức hội nghị chuyên đề về CCHC. Sơ kết thực hiện Nghị quyết vào năm 2025, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết vào năm 2030.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những nội dung không phù hợp với tình hình thực tế, các sở, ban ngành, địa phương kịp thời đề xuất, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBTW MTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở, ngành tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Lâu